

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Toán học; Chuyên ngành: Toán ứng dụng

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Vũ Hoàng Linh

2. Ngày tháng năm sinh: 11/10/1968; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Đáp Cầu, TP Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): 515, H3, Kim Giang, Thanh Xuân, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, 334 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0913062989;

E-mail: linhvh@vnu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm 03,2000 đến tháng, năm 05,2007: Giảng viên Khoa Toán - Cơ - Tin học tại Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN

Từ tháng, năm 05,2007 đến tháng, năm 10,2008: Phó trưởng Khoa Toán - Cơ - Tin học tại Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN

Từ tháng, năm 10,2008 đến tháng, năm 05,2014: Trưởng Khoa Toán - Cơ - Tin học tại Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN

Từ tháng, năm 05,2014 đến tháng, năm 09,2019: Phó Hiệu trưởng tại Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN

Từ tháng, năm 10,2019 đến tháng, năm 05,2020: Phó hiệu trưởng phụ trách Trường tại Trường ĐH Khoa học

Tự nhiên, ĐHQGHN

Từ tháng, năm 05,2020 đến tháng, năm 06,2022: Hiệu trưởng tại Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN

Chức vụ hiện nay: Hiệu trưởng; Chức vụ cao nhất đã qua: Hiệu trưởng

Cơ quan công tác hiện nay: Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN

Địa chỉ cơ quan: 334 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 02435588739

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 23 tháng 06 năm 1990, số văn bằng: 219/1990, ngành: Toán ứng dụng, chuyên ngành: Toán lập trình; Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Đại học Tổng hợp Jozsef Attila, Szeged, Hungary

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 25 tháng 06 năm 1992, số văn bằng: 163/1992, ngành: Toán ứng dụng, chuyên ngành: Toán thiết kế chương trình; Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Đại học Tổng hợp Jozsef Attila, Szeged, Hungary

- Được cấp bằng TS [5] ngày 22 tháng 06 năm 1998, số văn bằng: P-69/1998, ngành: Toán học, chuyên ngành: Toán ứng dụng; Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Đại học Tổng hợp Eotvos Lorand, Budapest, Hungary

- Được cấp bằng TSKH [6] ngày 17 tháng 07 năm 2014, số văn bằng: 2014, ngành: Toán học, chuyên ngành: Toán ứng dụng; Nơi cấp bằng TSKH [6] (trường, nước): Đại học Tổng hợp Kỹ thuật Berlin, Germany

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày 28 tháng 12 năm 2007, ngành: Toán học

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Toán học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Lý thuyết ổn định của hệ động lực ẩn, bao gồm phương trình vi phân đại số và phương trình sai phân suy biến (từ 2000 đến nay)

- Phương pháp số cho phương trình vi phân đại số, bao gồm lời giải số và phương pháp xấp xỉ số mũ (từ 2000 đến nay)

- Lời giải số và đánh điệu tiệm cận nghiệm của một số lớp phương trình sóng (trước 2000)

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 3 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) ... HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 3 cấp Bộ;
- Đã công bố (số lượng) 34 bài báo khoa học, trong đó 28 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 4, trong đó 4 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
Không có			

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Có bằng cấp, thâm niên đào tạo, kết quả nghiên cứu và giảng dạy đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn đối với chức danh giáo sư được quy định trong Quyết định số 37-2018/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ.

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 22 năm 4 tháng
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1								
2								
3								
03 năm học cuối								
4	2019-2020		1	2			45	67,5/167/40,5
5	2020-2021	1	1	1			45	67,5/187/40,5
6	2021-2022	1					45	67,5/160/40,5

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

- Học ĐH ☒; Tại nước: Hungary; Từ năm 1986 đến năm 1992

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Hungary năm 1998

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài



- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Chương trình tiên tiến ngành Toán học, Trường ĐH Khoa học Tự nhiên từ 2010 đến 2014 ; Trường Toán Berlin và Đại học Tổng hợp Kỹ thuật Berlin, học kỳ II năm học 2012-2013

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/ CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/ CK2/ BSNT	Chính	Phụ			
1	Ngô Thị Thanh Nga	X		X		11/2013 đến 09/2018	Trường ĐH KHTN, ĐHQGHN	24/12/2018
2	Nguyễn Duy Trường	X		X		11/2013 đến 05/2019	Trường ĐH KHTN, ĐHQGHN	25/12/2019
3	Hoàng Mạnh Tuấn	X			X	05/2016 đến 04/2021	Học viện KH-CN, Viện Hàn lâm KH- CN Việt Nam	28/07/2021

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Sau khi được công nhận PGS/TS							
1	Stability and robust stability of implicit linear dynamical systems	CK	NXB ĐHQGHN, ISBN: 978-604-352-877-0, năm 2022	2	CB	(Trang 1-334)	2201/HĐGT-ĐT ngày 02/12/2021; 3666/QĐ-ĐHKHTN ngày 27/12/2021; Biên bản nghiệm thu ngày 05/01/2022; 50/ĐHKHTN-ĐT ngày 7/01/2022; GCN của Trường ĐH Khoa học Tự nhiên ngày 10/6/2022
2	Chapter 4: Spectra and leading directions for differential-algebraic equations, in: Control and Optimization with Differential-Algebraic Constraints	CK	SIAM, ISBN: 978-1-61197-224-5, năm 2012	2	VC	(trang 59-78)	GCN của Trường ĐH Khoa học Tự nhiên ngày 10/6/2022
3	Chapter 2: Robust stability of differential-algebraic equations, in: Surveys in Differential-Algebraic Equations I	CK	Springer, ISBN: 978-3-642-34928-7, năm 2013	3	VC	(trang 63-95)	GCN của Trường ĐH Khoa học Tự nhiên ngày 10/6/2022

4	Chapter 19: Spectrum-Based Robust Stability Analysis of Linear Delay Differential-Algebraic Equations, in: Numerical Algebra, Matrix Theory, Differential-Algebraic Equations and Control Theory	CK	Springer, ISBN: 978-3-319-15260-8, năm 2015	2	VC	(trang 533-557)	GCN của Trường ĐH Khoa học Tự nhiên ngày 10/6/2022
---	--	----	---	---	----	-----------------	--

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 1 ([1])

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Xếp loại KQ
Sau khi được công nhận PGS/TS					
1	Dáng điệu nghiệm của một số lớp phương trình vi phân và sai phân ẩn	CN	101.01-2011.14, cấp Bộ	01/12/2011 đến 30/11/2013	30/3/2014, Đạt
2	Một số bài toán trong lý thuyết phương trình vi phân đại số	CN	101.02-2014.05, cấp Bộ	01/06/2015 đến 30/05/2017	29/9/2017, Đạt
3	Tính chất nghiệm và nghiệm xấp xỉ của một số hệ suy biến	CN	101.02-2017.314, cấp Bộ	01/08/2018 đến 31/07/2020	02/03/2021, Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải

pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước khi được công nhận PGS/TS								
1	On the simultaneous computation of Bessel functions of first and second kind	2	Không	Computers & Mathematics with Applications	ISI - SCI <i>IF: 3.476</i>	1	31, 4-5, 87-97	02/1996
2	Error estimations of approximate solution to certain second order linear differential equations	1	Có	Advances in Difference Equations, (eds. S. Elaydi, I. Györi and G. Ladas), Gordon and Breach, London	MathSciNet - Hệ thống CSDL quốc tế khác		615-628	12/1997

3	Error estimates for the amplitude-phase method in the evaluation of radial wave functions	1	Có	Acta Scientiarum Mathematicarum	- ESCI	1	63, 3-4, 657-670	10/1997
4	On some questions arising in numerical realization of amplitude-phase methods	1	Có	Numerical Algorithms	ISI - SCIE <i>IF: 3.041</i>	1	17, 1-2, 171-191	05/1998
5	On modifications of the method of phase functions as applied to singular problems in quantum physics	3	Không	Zh. Vychisl. Mat. Mat. Fiz. (Computational Mathematics and Mathematical Physics)	ISI - SCIE <i>IF: 0.675</i>	5	39, 3, 492-522	06/1999
6	On complex stability radii for implicit discrete-time systems	3	Có	Vietnam Journal of Mathematics	- Hệ thống CSDL quốc tế khác	1	31, 4, 475-488	10/2003

7	On the high order asymptotic solution of certain wave equations	1	Có	Miskolc Mathematical Notes	ISI - SCIE IF: 1.085		5, 1, 57-69	03/2004
8	Implicit-system approach to the robust stability for a class of singularly perturbed linear systems	2	Có	Systems & Control Letters	ISI - SCI IF: 2.804	22	54, 1, 33-41	01/2005
9	Adjoint pairs of differential-algebraic equations and Hamiltonian systems	2	Không	Applied Numerical Mathematics	ISI - SCI IF: 2.468	16	53, 2-4, 131-148	05/2005
10	On the robustness of asymptotic stability for a class of singularly perturbed systems with multiple delays	1	Có	Acta Mathematica Vietnamica	- Hệ thống CSDL quốc tế khác	1	30, 2, 137-151	06/2005

11	On the robust stability of implicit linear systems containing a small parameter in the leading term	2	Có	IMA Journal of Mathematical Control and Information	ISI - SCIE <i>IF: 1.555</i>	6	23, 1, 67-74	03/2006
12	Stability radii for linear time-varying differential algebraic equations with respect to dynamic perturbations	2	Có	Journal of Differential Equations	ISI - SCI <i>IF: 2.43</i>	22	230, 2, 579-599	11/2006
Sau khi được công nhận PGS/TS								
13	On data-dependence of exponential stability and stability radii for linear time-varying differential-algebraic systems	3	Có	Journal of Differential Equations	ISI - SCI <i>IF: 2.43</i>	20	245, 8, 2078-2102	10/2008

14	Lyapunov, Bohl, and Sacker-Sell spectral intervals for differential-algebraic equations	2	Có	Journal of Dynamics and Differential Equations	ISI - SCI IF: 2.24	29	21 153-194	02/2009
15	Stability criteria for differential-algebraic equations with multiple delays and their numerical solutions	2	Có	Applied Mathematics and Computation	ISI - SCI IF: 4.091	43	208, 2, 397-415	02/2009
16	Maximal Stability Bound for Generalized Singularly Perturbed Systems	2	Có	Vietnam Journal of Mathematics	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		37, 2-3, 339-356	09/2009
17	QR Methods and Error Analysis for Computing Lyapunov and Sacker-Sell Spectral Intervals for Linear Differential-Algebraic Equations	3	Có	Advances in Computational Mathematics	ISI - SCIE IF: 1.91	9	35, 2-4, 281-322	11/2011

18	Spectral analysis for linear differential-algebraic equations	2	Có	Discrete Contin. Dyn. Syst., Dynamical systems, differential equations and applications. 8th AIMS Conference Suppl.	- Hệ thống CSDL quốc tế khác	3	II 991-1000	10/2011
19	Approximation of spectral intervals and associated leading directions for linear differential-algebraic equation via smooth singular value decompositions	2	Có	SIAM J. Numerical Analysis	ISI - SCI IF: 3.212	3	49, 5, 1810-1835	10/2011
20	Stability and robust stability of linear time-invariant delay differential-algebraic equations	4	Không	SIAM J. Matrix Analysis and Applications	ISI - SCI IF: 1.944	37	34, 4, 1631-1654	08/2013

21	Efficient integration of strangeness-free non-stiff DAEs by half-explicit methods	2	Có	J. Computational and Applied Mathematics	ISI - SCI <i>IF: 2.621</i>	6	262 346-360	05/2014
22	Asymptotic integration of linear differential-algebraic equations	2	Có	Electronic Journal of Qualitative Theory of Differential Equations	ISI - SCI <i>IF: 1.874</i>	1	12, 1-17	03/2014
23	On BDF-Based Multistep Schemes for Some Classes of Linear Differential-Algebraic Equations of Index at Most 2	3	Không	Acta Mathematica Vietnamica	Scopus - ESCI	2	41 715-730	05/2016
24	On stability and Bohl exponent of linear singular systems of difference equations with variable coefficients	3	Có	J. Difference Equations and Applications	ISI - SCIE <i>IF: 1.476</i>	10	22, 9, 1350-1377	06/2016

25	Adjoint Pairs of Differential-Algebraic Equations and Their Lyapunov Exponents	2	Có	Journal of Dynamics and Differential Equations	ISI - SCI <i>IF: 2.24</i>	5	29 655-684	06/2017
26	Bohl–Perron Type Stability Theorems for Linear Singular Difference Equations	2	Có	Vietnam Journal of Mathematics	Scopus - ESCI	3	46 437-451	09/2018
27	Exponential Stability and Robust Stability for Linear Time-Varying Singular Systems of Second Order Difference Equations	3	Có	SIAM J. Matrix Analysis and Applications	ISI - SCI <i>IF: 1.944</i>	4	29, 1, 204-233	03/2018
28	Runge-Kutta Methods Revisited for a Class of Structured Strangeness-Free Differential-Algebraic Equations	2	Có	Electronic Transactions on Numerical Analysis	ISI - SCIE <i>IF: 0.959</i>	3	48 131-155	04/2018

29	Convergence analysis of linear multistep methods for a class of delay differential-algebraic equations	3	Có	Bulletin of the South Ural State University, Series "Mathematical Modelling, Programming & Computer Software"	Scopus - ESCI		11, 4, 78-93	11/2018
30	Half-explicit RKC methods for strangeness-free DAEs	2	Có	Vietnam Journal of Mathematical Applications			16, 2, 11-36	12/2018
31	Block Difference Schemes of High Order for Stiff Linear Differential-Algebraic Equations	3	Không	Computational Mathematics and Mathematical Physics	ISI - SCIE IF: 0.675	1	59, 7, 1049-1057	08/2019
32	Stable Numerical Solution for a Class of Structured Differential-Algebraic Equations by Linear Multistep Methods	2	Có	Acta Mathematica Vietnamica	Scopus - ESCI	1	44 955-976	12/2019

33	On convergence of continuous half-explicit Runge-Kutta methods for a class of delay differential-algebraic equations	2	Có	Numerical Algorithms	ISI - SCIE <i>IF: 3.041</i>	2	85 277-303	09/2020
34	Index reduction for second order singular systems of difference equations	2	Có	Linear Algebra and its Applications	ISI - SCI <i>IF: 1.401</i>	2	608 107-132	01/2021

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UỶ là tác giả chính sau PGS/TS: 16 ([13] [14] [15] [17] [19] [21] [22] [24] [25] [26] [27] [28] [29] [32] [33] [34])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UỶ là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả

Không có

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò U'V (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
1	CTĐT tiến sĩ chuyên ngành Phương trình vi phân và tích phân	Tham gia	QĐ số 948/QĐ-ĐHKHTN ngày 04/4/2018	Trường ĐHKHTN	QĐ số 3020/QĐ-ĐHKHTN ngày 30/8/2018	Nhóm chuyên gia điều chỉnh, cập nhật
2	CTĐT tiến sĩ chuyên ngành Toán ứng dụng	Chủ trì	QĐ số 946/QĐ-ĐHKHTN ngày 04/4/2018	Trường ĐHKHTN	QĐ số 3025/QĐ-ĐHKHTN ngày 30/8/2018	Nhóm chuyên gia điều chỉnh, cập nhật

3	CTĐT thạc sĩ chuyên ngành Khoa học dữ liệu	Chủ trì	QĐ số 626/QĐ-ĐHKHTN ngày 16/3/2017	ĐHQGHN	QĐ số 1938/QĐ-ĐHQGHN ngày 12/6/2018	HĐ nghiệm thu cấp trường
4	CTĐT thạc sĩ theo định hướng ứng dụng, chuyên ngành Phương pháp toán sơ cấp	Chủ trì	QĐ số 3695/QĐ-ĐHKHTN ngày 31/10/2018	ĐHQGHN	QĐ số 489/QĐ-ĐHQGHN ngày 18/02/2019	HĐ nghiệm thu cấp trường
5	CTĐT đại học ngành Khoa học dữ liệu	Chủ trì	QĐ3559/QĐ-ĐHKHTN ngày 20/11/2019	ĐHQGHN	QĐ số 720/QĐ-ĐHQGHN ngày 6/3/2020	HĐ thẩm định cấp trường
6	CTĐT đại học ngành Máy tính và khoa học thông tin CLC	Chủ trì	QĐ 4037/QĐ-ĐHKHTN ngày 4/12/2017	ĐHQGHN	QĐ số 1327/QĐ-ĐHQGHN ngày 20/4 năm 2018	HĐ thẩm định cấp trường

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2022

Người đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)